

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ NỘI BỘ
TIẾNG ANH BẬC B1 (TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3/6 THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC CỦA BỘ GD-ĐT)
ĐỢT THI 17/01/2021 - ĐẠI HỌC HUẾ

STT	SBD	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi số	ĐIỂM THI				Tổng điểm	Kết luận
								Nghe	Nói	Đọc	Viết		
1	AB121010001	Hoàng Thiên	An	Nam	24/9/1990	Huế	1	15,0	16,0	26,0	28,0	85	Đạt
2	AB121010002	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	30/8/1989	Thừa Thiên Huế	1	16,0	14,0	28,0	20,0	78	Đạt
3	AB121010003	Bùi Duy	Bảo	Nam	07/02/1992	Thừa Thiên Huế	1	7,0	14,0	23,0	20,0	64	Đạt
4	AB121010004	Cao	Bé	Nam	07/12/1976	Thừa Thiên Huế	1	11,0	14,0	26,0	16,0	67	Đạt
5	AB121010005	Phạm Gia Duy	Bình	Nam	21/05/1988	Quảng Trị	1	15,0	11,0	26,0	22,0	74	Đạt
6	AB121010006	Nguyễn Hữu	Cầu	Nam	05/08/1987	Thừa Thiên Huế	1	11,0	10,0	25,0	10,0	56	Đạt
7	AB121010007	Hoàng Tân	Cương	Nam	28/8/1973	Quảng Bình	1	16,0	11,0	27,0	20,0	74	Đạt
8	AB121010008	Ngô Văn	Cường	Nam	9/9/1990	Hà Tĩnh	1	12,0	9,0	28,0	14,0	63	Đạt
9	AB121010009	Nguyễn Thị Thùy	Chi	Nữ	04/5/1991	Quảng Trị	1	16,0	17,0	24,0	18,0	75	Đạt
10	AB121010010	Trần Thị	Chinh	Nữ	23/10/1983	Quảng Nam	1	15,0	11,0	18,0	14,0	58	Đạt
11	AB121010011	Phạm Văn	Chức	Nam	04/02/1990	Quảng Bình	1	13,0	11,0	23,0	20,0	67	Đạt
12	AB121010012	Phan Hải	Dương	Nam	10/7/1985	Quảng Trị	1	12,0	14,0	22,0	18,0	66	Đạt
13	AB121010013	Nguyễn Bình	Dương	Nam	13/07/1992	Quảng Trị	1	16,0	11,0	27,0	16,0	70	Đạt
14	AB121010014	Phùng Tuấn	Dương	Nam	05/03/1978	Vĩnh Phúc	1	12,0	16,0	20,0	27,0	75	Đạt
15	AB121010015	Hồ	Đôn	Nam	18/05/1979	Thừa Thiên Huế	1	13,0	15,0	20,0	13,0	61	Đạt
16	AB121010016	Nguyễn Ngọc	Đông	Nam	19/9/1983	Thừa Thiên Huế	1	14,0	14,0	17,0	14,0	59	Đạt
17	AB121010017	Nguyễn Tuấn	Đức	Nam	01/01/1984	Quảng Trị	1	13,0	15,0	20,0	20,0	68	Đạt
18	AB121010018	Lê Quỳnh	Giao	Nữ	05/7/1980	Thừa Thiên Huế	1	15,0	15,0	22,0	21,0	73	Đạt
19	AB121010019	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	09/10/1981	Quảng Trị	1	13,0	9,0	22,0	20,0	64	Đạt
20	AB121010020	Trần Quang	Hải	Nam	1/10/1982	Quảng Bình	1	15,0	18,0	23,0	25,0	81	Đạt

21	AB121010021	Đinh Thị Thu	Hiền	Nữ	01/01/1995	Quảng Trị	1	14,0	17,0	22,0	23,0	76	Đạt
22	AB121010022	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	06/08/1992	Quảng Trị	1	13,0	15,0	22,0	24,0	74	Đạt
23	AB121010023	Huỳnh Xuân	Hiền	Nam	1/10/1982	Thừa Thiên Huế	1	13,0	16,0	20,0	20,0	69	Đạt
24	AB121010024	Hồ Ngọc	Hiệp	Nam	23/01/1993	Quảng Trị	1	11,0	11,0	18,0	21,0	61	Đạt
25	AB121010025	Thái Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	03/04/1995	Quảng Trị	1	12,0	18,0	18,0	17,0	65	Đạt
26	AB121010026	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	26/6/1986	Quảng Trị	1	9,0	10,0	19,0	17,0	55	Đạt
27	AB121010027	Trần Minh	Hùng	Nam	01/7/1977	Đông Hà	1	11,0	10,0	20,0	24,0	65	Đạt
28	AB121010028	Nguyễn Minh	Kỳ	Nam	07/04/1994	Quảng Trị	1	13,0	9,0	20,0	19,0	61	Đạt
29	AB121010029	Hồ Việt	Khải	Nam	08/11/1997	Quảng Trị	1	14,0	17,0	23,0	20,0	74	Đạt
30	AB121010030	Hoàng Văn	Khánh	Nam	1/9/1978	Thừa Thiên Huế	1	11,0	18,0	25,0	20,0	74	Đạt
31	AB121010031	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	14/04/1976	Quảng Bình	2	14,0	16,0	23,0	24,0	77	Đạt
32	AB121010032	Vương Thị	Liên	Nữ	01/11/1992	Thừa Thiên Huế	2	15,0	15,0	25,0	21,0	76	Đạt
33	AB121010033	Nguyễn Trần	Linh	Nam	23/6/1984	Quảng Trị	2	16,0	17,0	22,0	23,0	78	Đạt
34	AB121010034	Trần Phước	Linh	Nữ	21/11/1973	Hà Nội	2	15,0	15,0	25,0	25,0	80	Đạt
35	AB121010035	Trần Nữ Mỹ	Linh	Nữ	6/2/1996	Quảng Ngãi	2	15,0	16,0	24,0	23,0	78	Đạt
36	AB121010036	Hoàng Thị Châu	Long	Nữ	03/02/1975	Quảng Trị	2	10,0	9,0	23,0	20,0	62	Đạt
37	AB121010037	Nguyễn Xuân	Lực	Nam	28/2/1994	Thừa Thiên Huế	2	9,0	15,0	17,0	18,0	59	Đạt
38	AB121010038	Đoàn Thị Kim	Lý	Nữ	08/03/1981	Quảng Bình	2	14,0	12,0	20,0	22,0	68	Đạt
39	AB121010039	Nguyễn Thị Thiên	Lý	Nữ	11/07/1992	Quảng Trị	2	14,0	17,0	19,0	25,0	75	Đạt
40	AB121010040	Nguyễn Văn	Lý	Nam	08/10/1989	Quảng Bình	2	15,0	15,0	23,0	21,0	74	Đạt
41	AB121010041	Lưu Thị	Mai	Nữ	30/11/1988	Nghệ An	2	16,0	10,0	22,0	22,0	70	Đạt
42	AB121010042	Nguyễn Thị My	My	Nữ	15/10/1988	Thừa Thiên Huế	2	17,0	17,0	25,0	22,0	81	Đạt
43	AB121010043	Hoàng Ni	Na	Nữ	20/3/1985	Quảng Trị	2	16,0	18,0	23,0	24,0	81	Đạt
44	AB121010044	Lương Ngọc	Nam	Nam	22/3/1990	Quảng Trị	2	10,0	9,0	23,0	17,0	59	Đạt
45	AB121010045	Trần Châu Tôn Ái	Nữ	Nữ	26/06/1992	Bình Định	2	11,0	12,0	21,0	22,0	66	Đạt
46	AB121010046	Hoàng Minh	Ngọc	Nam	20/02/1978	Thừa Thiên Huế	2	13,0	16,0	23,0	23,0	75	Đạt
47	AB121010047	Đỗ Nguyên	Ngọc	Nam	10/1/1990	Huế	2	12,0	19,0	24,0	28,0	83	Đạt
48	AB121010048	Trần Sỹ	Nguyên	Nam	16/8/1993	Quảng Bình	2	15,0	10,0	24,0	24,0	73	Đạt
49	AB121010049	Hoàng Thị	Nhâm	Nữ	21/12/1977	Quảng Trị	2	12,0	10,0	24,0	22,0	68	Đạt
50	AB121010050	Mai Thanh	Nhân	Nam	31/7/1981	Quảng Trị	2	17,0	14,0	22,0	24,0	77	Đạt

51	AB121010051	Đặng Đức	Nhật	Nam	27/8/1992	Quảng Trị	2	15,0	10,0	21,0	21,0	67	Đạt
52	AB121010052	Trần Thị Cẩm	Nhung	Nữ	27/07/1985	Quảng Trị	2	12,0	16,0	21,0	20,0	69	Đạt
53	AB121010053	Phan Thị Thuỳ	Nhung	Nữ	13/03/1996	Thừa Thiên Huế	2	13,0	12,0	24,0	22,0	71	Đạt
54	AB121010054	Hồ Đắc	Phú	Nam	01/8/1979	Quảng Trị	2	10,0	15,0	21,0	21,0	67	Đạt
55	AB121010055	Trần Xuân	Phú	Nam	10/5/1984	Thừa Thiên Huế	2	14,0	13,0	20,0	23,0	70	Đạt
56	AB121010056	Phan Thanh	Phúc	Nam	18/5/1993	Quảng Trị	2	14,0	15,0	21,0	23,0	73	Đạt
57	AB121010057	Nguyễn Đại	Phúc	Nam	03/09/1981	Thừa Thiên Huế	2	13,0	13,0	24,0	19,0	69	Đạt
58	AB121010058	Dương Thanh	Phước	Nam	21/06/1979	Thừa Thiên Huế	2	14,0	10,0	23,0	22,0	69	Đạt
59	AB121010059	Phan Nguyễn Minh	Phương	Nữ	04/10/1986	Thừa Thiên Huế	2	13,0	14,0	22,0	18,0	67	Đạt
60	AB121010060	Nguyễn Thành	Phương	Nam	21/12/1991	Thừa Thiên Huế	2	13,0	17,0	23,0	22,0	75	Đạt
61	AB121010061	Lê Thị Lệ	Quý	Nữ	23/09/1982	Quảng Trị	3	12,0	12,0	18,0	19,0	61	Đạt
62	AB121010062	Lê Văn	Quý	Nam	19/10/1994	Quảng Trị	3	13,0	9,0	18,0	20,0	60	Đạt
63	AB121010063	Phạm Thị Thiên	Quý	Nữ	09/9/1991	Quảng Trị	3	9,0	13,0	18,0	17,0	57	Đạt
64	AB121010064	Lê Chí Tó	Quyên	Nữ	03/07/1983	Quảng Trị	3	14,0	9,0	20,0	19,0	62	Đạt
65	AB121010065	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	Nữ	15/02/1993	Quảng Trị	3	14,0	13,0	14,0	23,0	64	Đạt
66	AB121010066	Hồ Sỹ Minh	Son	Nam	11/12/1996	Quảng Trị	3	16,0	13,0	18,0	24,0	71	Đạt
67	AB121010067	Cáp Xuân	Tá	Nam	14/01/1973	Quảng Bình	3	13,0	14,0	17,0	16,0	60	Đạt
68	AB121010068	Trần Ngọc	Tân	Nam	20/4/1972	Quảng Trị	3	14,0	9,0	20,0	19,0	62	Đạt
69	AB121010069	Lê Anh	Tói	Nam	26/12/1988	Thừa Thiên Huế	3	14,0	9,0	17,0	12,0	52	Đạt
70	AB121010070	Trần Hữu	Tuân	Nam	02/11/1979	Quảng Trị	3	12,0	12,0	17,0	18,0	59	Đạt
71	AB121010071	Lê Quốc	Tuấn	Nam	26/01/1993	Quảng Trị	3	14,0	13,0	18,0	18,0	63	Đạt
72	AB121010072	Nguyễn Hoàng Minh	Tuấn	Nam	1/8/1990	Thừa Thiên Huế	3	13,0	13,0	16,0	15,0	57	Đạt
73	AB121010073	Lê Thanh	Tùng	Nam	27/7/1996	Quảng Trị	3	13,0	12,0	18,0	15,0	58	Đạt
74	AB121010074	Phan Huy	Thành	Nam	7/10/1989	Thừa Thiên Huế	3	14,0	13,0	19,0	20,0	66	Đạt
75	AB121010075	Hoàng Trần Minh	Thảo	Nữ	25/12/1997	Quảng Trị	3	15,0	12,0	17,0	23,0	67	Đạt
76	AB121010076	Phùng Phương	Thảo	Nữ	22/11/1982	Thừa Thiên Huế	3	14,0	12,0	16,0	20,0	62	Đạt
77	AB121010077	Lê Đức	Thọ	Nam	06/01/1996	Thừa Thiên Huế	3	14,0	10,0	19,0	21,0	64	Đạt
78	AB121010078	Đoàn Quang	Thuận	Nam	26/10/1988	Quảng Trị	3	14,0	8,0	19,0	18,0	59	Đạt
79	AB121010079	Hoàng Thị Thu	Thùy	Nữ	14/12/1984	Thừa Thiên Huế	3	14,0	11,0	16,0	14,0	55	Đạt
80	AB121010080	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	25/1/1994	Quảng Trị	3	13,0	10,0	16,0	17,0	56	Đạt

81	AB121010081	Trần Thị Lệ	Trà	Nữ	12/1/1986	Quảng Nam	3	8,0	10,0	15,0	17,0	50	Đạt
82	AB121010082	Lê Huyền	Trang	Nữ	23/03/1990	Quảng Trị	3	15,0	10,0	16,0	15,0	56	Đạt
83	AB121010083	Bùi Việt	Trung	Nam	21/11/1994	Quảng Trị	3	13,0	12,0	18,0	23,0	66	Đạt
84	AB121010084	Lê Thị Thúy	Vân	Nữ	20/01/1978	Quảng Trị	3	15,0	8,0	19,0	26,0	68	Đạt
85	AB121010085	Trần Thị Hồng	Vân	Nữ	01/06/1992	Quảng Trị	3	15,0	16,0	19,0	20,0	70	Đạt
86	AB121010086	Hoàng Quốc	Việt	Nam	07/11/1967	Gia Lai	3	14,0	11,0	19,0	20,0	64	Đạt
87	AB121010087	Nguyễn Ngọc	Việt	Nam	29/4/1989	Quảng Trị	3	15,0	12,0	20,0	23,0	70	Đạt
88	AB121010088	Nguyễn Thị Thanh	Việt	Nữ	09/10/1992	Quảng Trị	3	14,0	17,0	18,0	21,0	70	Đạt
89	AB121010089	Lê Quang	Vinh	Nam	19/09/1978	Thừa Thiên Huế	3	13,0	12,0	17,0	18,0	60	Đạt
90	AB121010090	Hồ Việt	Vũ	Nam	28/08/1993	Thừa Thiên Huế	3	15,0	14,0	16,0	21,0	66	Đạt

Danh sách này có 90 thí sinh tham gia thi